

UNIT 7: TRAFFIC

A. GRAMMAR - NGỮ PHÁP

I. IT INDICATING DISTANCE – It dùng để chỉ khoảng cách

1. Cấu trúc

Câu khẳng định	It + is + (about) + (a number) + unit of length + (from N _{place} to N _{place}) It + is + adj _{distance}
Câu phủ định	It + isn't + adj _{distance}
Câu hỏi	How far is it from N _{place} to N _{place} ?

2. Cách dùng

Chúng ta có thể sử dụng *it* như một Chủ ngữ để chỉ khoảng cách từ một địa điểm này đến một địa điểm khác.

Ví dụ:

- It is about 10 kilometers from my house to my school. (*Nhà tôi cách trường tôi khoảng 10 km.*)
- How far is it from your home to your office? (*Khoảng cách từ nhà bạn đến trường là bao xa?*)
It is (about) 1500 meters. (*Nó khoảng 1500 m.*)
- How far is it from Ho Chi Minh City to Vung Tau? (*Thành phố Hồ Chí Minh cách Vũng Tàu bao xa?*)
It is not very far. (*Không xa lắm*)

3. Dấu hiệu nhận biết

Trong câu thường có một số đi kèm một đơn vị chỉ độ dài: a kilometer, 1000 meters, 500 miles, ...

Trong câu thường có tính từ chỉ khoảng cách: far, near,...

II. USED TO - Đã từng

1. Cấu trúc

Câu khẳng định	S + use to + V
Câu phủ định	S + didn't + use to + V
Câu hỏi	Did + S + use to + V?

2. Cách dùng chính

- ✓ Dùng để diễn tả một hành động đã từng được thực hiện trong quá khứ và đã chấm dứt.

Ví dụ:

- I used to play basketball, but now I like playing video games. (*Tôi đã từng chơi bóng rổ, nhưng bây giờ tôi thích chơi điện tử.*)
- He used to be a soccer player. (*Anh ấy từng là một cầu thủ bóng đá - Chủ thể của hành động trên ở thời điểm hiện tại không còn là một cầu thủ bóng đá nữa.*)
- ✓ Diễn tả một sự việc chưa từng xảy ra trong quá khứ.

Ví dụ:

- They didn't use to be best friends. (*Họ chưa từng là bạn thân của nhau - Hành động là bạn thân của nhau chưa từng xảy ra trong quá khứ, tuy nhiên chưa chắc đã không xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai.*)
- My father didn't use to buy a mobile phone for me, but in the future he will. (*Bố của tôi chưa từng mua cho tôi một chiếc di động nào cả, tuy nhiên trong tương lai có thể ông sẽ mua cho tôi.*)

3. Dấu hiệu nhận biết

Trong câu thường có các động từ: used to, use to, didn't use to.

4. Lưu ý

- ✓ Trong câu hỏi hoặc trong câu phủ định, chữ "d" trong từ "used" sẽ bị bỏ đi.

Ví dụ:

- Did you used to play table tennis when you were a child? (*Cậu đã từng chơi bóng bàn khi còn nhỏ chưa?*)
- Did you used to walk to school? (*Cậu đã từng đi bộ đến trường chưa?*)
No, I didn't. I only went to school by car. (*Không, tôi chỉ đến trường bằng ô tô.*)
- I didn't used to play table tennis when I was a child. I used to play soccer and go swimming. (*Tôi chưa từng chơi bóng bàn khi còn nhỏ. Tôi từng chơi bóng đá và đi bơi.*)
- He didn't used to be a good student, but now he has a good job and can earn a lot of money. (*Anh ấy chưa từng là một học sinh giỏi, nhưng bây giờ anh ấy tìm được một công việc tốt và có thể kiếm được rất nhiều tiền.*)

B. VOCABULARY - TỪ VỰNG

Từ mới	Phiên âm	Nghĩa
cross	/krɒs/	băng qua, vượt
curve	/kə:v/	khúc cua
emergency	/i'mə:dʒ(ə)nsi/	khẩn cấp
hill	/hɪl/	đồi
lane	/leɪn/	làn đường
left	/left/	trái
limit	/'lɪmɪt/	giới hạn
pedestrian	/pə'destriən/	người đi bộ
railroad	/'reɪlrəʊd/	đường ray
right	/raɪt/	phải
sign	/saɪn/	biển hiệu
slippery	/'slɪp(ə)ri/	trơn trượt
speed	/spi:d/	tốc độ
traffic lights	/'træfɪk laɪts/	đèn giao thông
truck	/trʌk/	xe tải
turn	/tɜ:n/	rẽ
vehicle	/'vi:(ə)kl/	phương tiện
wet	/wet/	ẩm, ướt

C. EXERCISES - BÀI TẬP THỰC HÀNH

PART 1. PHONETICS

1. Find the word which has a different sound in the part underlined. Read the words aloud.

- | | | | |
|---------------------|--------------------|------------------|------------------|
| 1. A. <u>w</u> et | B. <u>m</u> et | C. <u>h</u> ead | D. <u>h</u> and |
| 2. A. <u>g</u> irl | B. <u>bu</u> rn | C. <u>tu</u> rn | D. <u>pe</u> arl |
| 3. A. <u>l</u> eft | B. <u>de</u> bt | C. <u>fa</u> n | D. <u>de</u> ad |
| 4. A. <u>tr</u> ain | B. <u>ta</u> le | C. <u>mi</u> ne | D. <u>ra</u> in |
| 5. A. <u>di</u> e | B. <u>bi</u> cycle | C. <u>hi</u> gh | D. <u>mi</u> n |
| 6. A. <u>me</u> et | B. <u>fe</u> ed | C. <u>spe</u> ed | D. <u>fi</u> t |
| 7. A. <u>li</u> mit | B. <u>li</u> pid | C. <u>tre</u> at | D. <u>hi</u> t |
| 8. A. <u>cu</u> rve | B. <u>te</u> rm | C. <u>ge</u> ar | D. <u>he</u> rm |
| 9. A. <u>tr</u> uck | B. <u>dr</u> unk | C. <u>mu</u> g | D. <u>da</u> rk |

10. **A. sign** **B. light** **C. bye** **D. tin**









2. Put the words with the underlined part in the box into two groups.

tr <u>ai</u> n y <u>ou</u> ng	helicopter	l <u>e</u> ft	
vide <u>o</u>	pl <u>a</u> ne	r <u>ai</u> n	t <u>ou</u> r
r <u>ai</u> lway	l <u>a</u> te	s <u>ou</u> thern	d <u>o</u> es
st <u>a</u> tion	d <u>e</u> ad	gr <u>e</u> y	sh <u>ou</u> lder
h <u>e</u> ad	n <u>o</u>	w <u>e</u> t	r <u>o</u> ad

/eɪ/	/ɛ/

3. Label the signs with the words/phrases below.

Danger Railroad Crossing	Right Lane Ends
No Trucks	Right Turn Ahead
Right Curve Ahead	Watch Children
Emergency Vehicle Warning	No Pedestrian Crossing

a. 	e. 
b. 	f. 
c. 	g. 
d. 	h. 

PART 2: VOCABULARY & GRAMMAR

1. Circle A, B, C or D for each picture.

<p>1.</p> <p>A. Maximum speed is 5. B. Minimum speed is 5. C. Only 5 MPH is allowed. D. Speed limit is lower than 25 MPH.</p>	<p>4.</p> <p>A. You can buy cattle meat here. B. There are cattle ahead. C. There are wild animals ahead. D. Cattle are not allowed.</p>
<p>2.</p> <p>A. Cars cannot be sold here. B. Cars and trucks can pass. C. Cars are not allowed. D. Bicycles are not allowed.</p>	<p>5.</p> <p>A. Bullying is allowed. B. Bully may be arrested. C. Bullying must be stopped. D. This zone is dangerous.</p>
<p>3.</p> <p>A. You cannot return. B. Go ahead isn't allowed. C. You must return. D. Watch out the pedestrians.</p>	<p>6.</p> <p>A. Cameras are used here. B. You can't use your camera here. C. Cameras are sold ahead. D. Take photograph when crossing road.</p>

2. Find one odd word A, B, C or D.

- | | | | |
|-------------|----------|-------------|-----------|
| 1. A. train | B. plane | C. plant | D. car |
| 2. A. left | B. right | C. straight | D. square |
| 3. A. green | B. red | C. orange | D. light |
| 4. A. drive | B. write | C. ride | D. fly |
| 5. A. fast | B. rapid | C. slow | D. quick |

3. Put questions for the underlined parts in the following sentences, using question words in brackets.

1. Nam usually goes to school by bus. Sometimes, he rides his bicycle. (How)

2. My grandfather used to go fishing in the West Lake every afternoon. (What)

3. There are a lot of trucks and cars on the highway in the rush hour. (Where)

4. The students used to be taught about road signs when they studied in secondary school. (What)

5. Hung always drives his car very carefully. (How)

6. It is about 100 km from Ha Noi to Hai Phong. (How long)

4. Fill each blank with suitable words in the box.

am	is	are	used to	use to	it	from
to	catches	walked	ride	jam	station	

1. Mai _____ driving her car to her office.

2. How far _____ it from your home to your school?

3. You will get stuck in a traffic _____ if you go outside in the rush hour?

4. He usually _____ on foot to school when he was a child.

5. _____ you in hurry?

6. Did you _____ go swimming on the lake near your house, Tuan?

7. Lana comes _____ USA. She was born in a well-known family.

8. My dad _____ the bus to work every morning, but Mom drives.

9. John used to immigrate _____ Brazil. Have you ever been there?

10. I _____ participating in a volunteer trip to Lang Son. A lot of families are living in poor conditions.

11. _____ is not very far from here to the warehouse.

12. I must go to railway _____ to catch a train to my motherland.

5. Complete the following conversation with the sentences A-F.

Burt: Why didn't you show up for class this morning?

Kevin: I don't even want to talk about it. _____.

Burt: _____?

Kevin: The engine seems to be busted. _____!

Burt: Wow. Have you thought about getting a new car?

Kevin: Yeah, I've thought about that, _____.
I'm broke.

Burt: Maybe you can lease a car. _____.
I know Toyota is running a promotion.

Kevin: Really? How much is it?

Burt : _____.

Kevin: That's a good deal. I might want to consider it.

A. My car broke down	D. It doesn't cost much
B. It's driving me crazy	E. but I can't afford a new car
C. Zero down and \$219 per	F. What happened

6. Give the correct form of the words in brackets.

Traffic jam (to be) _____ a common sight in big cities like Delhi, Mumbai, Calcutta etc. This is due to (increase) _____ population of the metropolitan cities. People from far off places rush towards big cities to (earn) _____ as big cities (have) _____ many options and possibilities for them. Then there are permanent citizens also. So with the human traffic, vehicular traffic also increases. As the standard of living is (become) _____ high everyone wants to (purchase) _____ his own car.

PART 3: READING

1. Fill in the blank with a word/ phrase in the box.

trains	discourage	transport	expensive
example	problem	cities	pollution

Traffic congestion in many (1) _____ around the world is severe. One possible solution to this (2) _____ is to impose heavy taxes on car drivers and use this money to make public transport better. One of the first benefits of such a measure is that the heavy taxes would (3) _____ car owners from using their cars because it would become very (4) _____ to drive. This would mean that they would begin to make use of public (5) _____ instead, thus reducing traffic problems and (6) _____ as well. Another benefit would be that much more use would be made of public transport if it was improved. It is often the case that public transport in cities is very poor. For (7) _____, we often see old buses and (8) _____ that people would rather not use. High taxes would generate enough money to make the necessary changes.

PART 4: WRITING

1. Make sentences using the words and phrases given.

1. Mr Thanh/ didn't/ to/ travel/ Korea.

2. It/ 250 km/ Ho Chi Minh City/ Da Nang.

3. My hometown/ used to/ small village.

4. How/ it/ Ha Noi/ Singapore/ past?

5. Lana/ use to/ on foot/ school/ or/ car?

6. He/ used/ good/ student/ but/ now/ poor.

2. Rewrite the following sentences so that their meaning stays the same, using the word given for each.

1. My father is always a careful driver. _____	DRIVES
2. The distance from Ha Noi to Hai Phong is about 100 km. _____	IT
3. Be careful or you'll have an accident. _____	IF
4. Hung went to his homeland by train some years ago, but now he drives his car. _____	USED
5. Road users should obey traffic rules strictly. _____	OBEYED
6. Is it possible to travel to Korea by car? _____	CAN
7. Buses leave for Hai Phong every 15 minutes from 6 a.m to 10 p.m.	THERE

8. My family was very poor in the past, but we have 100 million USD now.	USED

UNIT 8: FILMS

A. GRAMMAR - NGŨ PHÁP

I. ALTHOUGH, DESPITE/ IN SPITE OF- Mặc dù

1. Cấu trúc

Câu khẳng định	<ul style="list-style-type: none"> • Although + Clause, Clause. • Despite/ In spite of + N/ N phrase, Clause.
Câu phủ định	<ul style="list-style-type: none"> • Although + Clause (phủ định), Clause • Although + Clause, Clause (phủ định) • Despite/ In spite of + N, Clause (phủ định) • Despite/ In spite of + N phrase, Clause (phủ định)

2. Cách dùng

Chúng ta sử dụng *although, despite/ in spite of* để diễn tả sự đối lập của hai sự việc hiện tượng trong cùng một câu.

Ví dụ:

- Although he is so young, he performs excellently. (*Mặc dù anh ấy rất trẻ, nhưng anh ấy thể hiện rất xuất sắc* - Có thể thấy mệnh đề 1 có sự đối lập với mệnh đề 2, tuổi tác trẻ đồng nghĩa với việc thiếu kinh nghiệm và có sự đối lập với việc thể hiện xuất sắc, yêu cầu nhiều kinh nghiệm.)
- **Despite/ In spite of** being so young, he performs excellently. (*Mặc dù còn rất trẻ, nhưng anh ấy thể hiện rất xuất sắc* - Có nghĩa tương tự như mệnh đề sử dụng Although, nhưng cấu trúc dạng despite/ in spite of chỉ đi với một cụm Danh từ đi ngay sau nó.)
- **Despite/ In spite of** his young age, he performs excellently. (Tương tự như trên, nhưng đi ngay sau despite/ in spite of là một Danh từ).

3. Dấu hiệu nhận biết

- ✓ Trong câu xuất hiện các trạng từ: although, though, even though, despite, in spite of...
- ✓ Trong câu chỉ xuất hiện phủ định ở một mệnh đề và không xuất hiện liên từ "but".

4. Lỗi thường hay gặp khi sử dụng cấu trúc although, despite/ in spite of

- ✓ Mặc dù có ý nghĩa giống nhau, nhưng cách sử dụng của although là khác so với despite/ in spite of. Chúng ta cần nhớ: ngay sau *although (though/ even though)* là một Clause, còn sau *Despite/ In spite of* thì bắt buộc phải là một N hoặc N phrase.

- ✓ Trong câu sử dụng cấu trúc *although, despite/ in spite of* không sử dụng liên từ *but*, cho dù dịch sang Tiếng Việt vẫn là *Mặc dù..., nhưng...*

II. HOWEVER, NEVERTHELESS - Tuy nhiên

1. Cấu trúc

- ✓ Clause 1. **However/Nevertheless**, Clause 2.
- ✓ Clause 1; **however**, Clause 2.

Ví dụ:

- I am good at English. However, I study Math so bad.
- She used to live in Ha Noi. Nevertheless, she is living in New York now.

2. Cách dùng chính

- ✓ Dùng để diễn tả hai câu có nội dung đối lập nhau.

Ví dụ:

- John used to be a bully. However, he is the most humorous and generous guy in my company now. (*John từng là một kẻ chuyên đi bắt nạt người khác. Tuy nhiên, anh ta bây giờ là người vui tính và tốt bụng nhất trong công ty của tôi.*)
- My family is poor. However, my parents always try to earn as much money as possible for my university education. (*Gia đình của tôi là nghèo. Tuy nhiên, bố mẹ tôi luôn cố gắng kiếm nhiều tiền nhất có thể để tôi có thể học đại học.*)
- My grandfather is a strict man. Nevertheless, he is the kindest person I have ever known. (*Ông tôi là một người đàn ông nghiêm khắc. Tuy nhiên, ông là người tốt bụng nhất mà tôi từng biết đến.*)
- I really love animals. Nevertheless, I only like raising loyal ones. (*Tôi thực sự rất yêu quý động vật. Tuy nhiên tôi chỉ thích nuôi những con vật trung thành.*)

3. Dấu hiệu nhận biết

- ✓ Trong câu xuất hiện các trạng từ sau: *however, nevertheless ...*
- ✓ Nghĩa của hai câu được đề cập là đối lập với nhau.

B. VOCABULARY - TỪ VỰNG

Từ mới	Phiên âm	Nghĩa
actor/ actress	/'æktə(r)/ /'æktɹəs/	diễn viên nam/ nữ
animation	/,æni'meɪʃn/	phim hoạt họa
critic	/'krɪtɪk/	bình phẩm
direct	/dɪ'rekt/	làm đạo diễn (phim,...)
entertaining	/,entə'teɪnɪŋ/	thú vị, làm vừa lòng
gripping	/'grɪpɪŋ/	hấp dẫn, thú vị
hilarious	/hɪ'leəriəs/	vui nhộn, hài hước
horror film	/'hɒrə(r) film/	phim kinh dị
must-see	/mʌst- siː/	phim hấp dẫn cần xem
plot	/plɒt/	cốt truyện
posters	/'pəʊstə(r)/	áp phích quảng cáo
recommend	/,rekə'mend/	giới thiệu, tiến cử
scary	/'skeəri/	làm sợ hãi, rung rợn
science-fiction (sci-fi)	/,saɪəns 'fɪkʃn/	khoa học viễn tưởng
star	/stɑː(r)/	đóng vai chính, ngôi sao
survey	/'sɜːveɪ/	cuộc khảo sát
thriller	/'θrɪlə(r)/	phim li kì, giật gân
violent	/'vaɪələnt/	có nhiều cảnh bạo lực

C. EXERCISES - BÀI TẬP THỰC HÀNH

PART 1. PHONETICS

1. Find the word which has a different sound in the part underlined. Read the words aloud.

- | | | | |
|------------------------|---------------------|----------------------|--------------------|
| 1. A. <u>p</u> icked | B. <u>pr</u> omised | C. <u>del</u> ivered | D. <u>cl</u> icked |
| 2. A. <u>l</u> ong | B. <u>b</u> oring | C. <u>sh</u> ocked | D. <u>co</u> medy |
| 3. A. <u>j</u> umped | B. <u>w</u> ashed | C. <u>l</u> iked | D. <u>lo</u> ved |
| 4. A. <u>th</u> read | B. <u>br</u> ead | C. <u>be</u> am | D. <u>br</u> each |
| 5. A. <u>a</u> ctor | B. <u>a</u> cting | C. <u>ad</u> dress | D. <u>a</u> ction |
| 6. A. <u>o</u> ther | B. <u>a</u> mong | C. <u>po</u> tato | D. <u>no</u> thing |
| 7. A. <u>th</u> umb | B. <u>sh</u> oulder | C. <u>po</u> ultry | D. <u>sl</u> ow |
| 8. A. <u>th</u> orough | B. <u>to</u> mato | C. <u>dr</u> unk | D. <u>bu</u> s |
| 9. A. <u>w</u> indow | B. <u>dr</u> unk | C. <u>bo</u> wl | D. <u>gr</u> ow |


10. A. naked B. talked C. walked D. booked

2. Put the words with the underlined part in the box into three groups.

bushed	washed	stopped	needed
volunteered	touched	matched	tagged
moved	fascinated	shocked	appeared
raised	laughed	convinced	interested

/t/	/d/	/id/

3. Give the names of the following films then read the words aloud.

<p>a.</p> 	<p>e.</p> 
<p>b.</p> 	<p>f.</p> 
<p>c.</p> 	<p>g.</p> 
<p>d.</p> 	<p>h.</p> 

PART 2: VOCABULARY & GRAMMAR

1. Match the film titles and their plots (1-6) with the film types (a-h).

- a. an animation b. a western c. a horror film d. a biopic
 e. a romantic comedy f. an action film g. a sci-fi h. a thriller

<p>1. Paranormal investigators Ed and Lorraine Warren work to help a family terrorized by a dark presence in their farmhouse.</p> 	<p>4. The character first appeared in the daily King Features comic trip, Thimble Theatre, on January 17, 1929.</p> 
 <p>2. Armed with a super-suit with the astonishing ability to shrink in scale but increase in strength.</p>	 <p>5. A cryptic message from Bond's past sends him on a trail to uncover a sinister organization.</p>
<p>3. A lonely doctor who once occupied unusual lakeside home begins exchanging love letters with its former resident, a frustrated architect.</p> 	<p>6. Harvard student Mark Zuckerberg creates the social networking site that would become known as Facebook, but is later sued by two brothers.</p> 

2. Find one odd word A, B, C or D.

1. A. terrifying B. thrilling C. fascinating D. delicious
 2. A. fresh B. convincing C. believable D. interesting
 3. A. excellent B. interesting C. amusing D. bad-tempered

4. A. fantastic B. wonderful C. brilliant D. lazy
 5. A. dramatic B. funny C. beautiful D. boring

3. Complete the sentences with the correct form of the adjectives in brackets.

1. It's an _____ film and I'm _____ every time I start watching it. (interest)
2. It was _____ in the lesson because our teacher is _____ in history. (bore)
3. My father is very _____ with my Math examination because of the _____ mark. (amaze)
4. My friend is a very _____ sort of person, but he hates doing _____ activities. (relax)
5. Working all day is very _____. I get _____ when I enter my factory. (tire)
6. We were all very _____ about the school trip, but it wasn't an _____ trip at all. (excite)

4. Complete the sentences with the correct form of the adjectives in the box.

bore	excite	interest
tire	interest	bore

1. I wish this book weren't so _____; I keep falling asleep whenever I try to read it.
2. "Do you think football is _____?"- "Oh, I don't think so. I find table tennis is a most suitable sport for myself."
3. I'm _____ right now. Last night I had a terrible nightmare?
4. The film was _____. Nothing happened.
5. Thomas was very _____ about his new bicycle as a birthday present. He had woken up at 5 a.m. and rode the bicycle around the street.
6. This is a very _____ book about the history of the cinema. I'm learning a lot.

5. Complete the sentences, using words in the table. Sometimes, two answers are possible.

although	despite	in spite of	however	nevertheless
----------	---------	-------------	---------	--------------

1. _____ it was raining heavily; he went out without a raincoat.
2. _____ I heard the telephone ring, I didn't answer it.
3. I like the outdoors. _____, I don't like bugs and dirt.
4. _____ her fear, she wrapped her arms around him.
5. The sky was grey and cloudy. _____, we went to the beach.
6. Nevertheless, _____ many and serious shortcomings, the long series of Depretis administrations was marked by the adoption of some useful measures.

7. We have not yet won; _____, we shall keep trying.
8. And yet, _____ her feelings, any relationship with him was potentially dangerous.
9. _____ the issue was not discussed, it was far from out of her mind.
10. _____ all Kutuzov's efforts to avoid that ruinous encounter, the massacre of the broken mob of French soldiers by worn-out Russians continued at Krasnoe for three days.
11. It looks like they're going to succeed _____ their present difficulties.
12. _____ being able to bench press two of her, the men actually listened.
13. _____ she had said the words "I love you," several times, he had not uttered them.
14. Deidre felt no pity for him, _____ the circumstances.

6. Choose best answer A, B, or C to complete the sentences.

1. It stars Marlon Brandon as the Godfather. He won an Oscar for his _____ as the boss.
A. action B. performance C. direction
2. Shaun of the Dead is a _____. It's very funny, but it's also a horror film.
A. cartoon B. comedy C. sci-fi
3. There's The Princess and the Frog. It's an _____ film from Disney.
A. ugly B. animated C. boring
4. The film was so boring. _____, Jack saw it from beginning to end.
A. Therefore B. However C. Although
5. If you want to know which films are on at the cinemas, you should look at the film _____ of this newspaper.
A. section B. review C. report
6. I think I did OK in my speech last night _____ I'd had almost no sleep for 24 hours.
A. Although B. However C. Despite
7. My _____ film this year was Zero Game, the latest thriller by director Xi Dong.
A. hobby B. favorite C. love
8. I couldn't sleep, _____ being tired.
A. However B. Though C. In spite of

PART 3: READING

1. Fill in the blank with a word/ phrase in the box.

romance	shot	used to	essential
stars	fictionalized	voyage	imaginary

Titanic is a 1997 American epic (1) _____ disaster film directed, written, co-produced, and co-edited by James Cameron. A (2) _____ account of the sinking of the RMS Titanic, it (3) _____ Leonardo DiCaprio and Kate Winslet as members of different social classes who fall in love aboard the ship during its ill-fated maiden (4) _____.

Cameron's inspiration for the film came from his fascination with shipwrecks; he felt a love story interspersed with the human loss would be (5) _____ to convey the emotional impact of the disaster. Production began in 1995, when Cameron shot footage of the actual Titanic wreck. The modern scenes on the research vessel were (6) _____ on board the Akademik Mstislav Keldysh, which Cameron had used as a base when filming the wreck. Scale models, computer-generated (7) _____, and a reconstruction of the Titanic built at Playas de Rosarito in Baja California were (8) _____ re-create the sinking. The film was partially funded by Paramount Pictures and 20th Century Fox. It was the most expensive film made at that time, with an estimated budget of \$200 million.

2. Read the passage and answer the questions.

Tom Cruise (born Thomas Cruise Mapother IV; is an American actor and filmmaker. Cruise has nominated for three Academy Awards and has Golden Globe Awards. He started his career at age film Endless Love. After portraying supporting (1981) and The Outsiders (1983), his first leading the romantic comedy Risky Business, released in August 1983.



July 3, 1962) been won three 19 in the 1981 roles in Taps role was in

Cruise became a full-fledged movie star after starring as Pete "Maverick" Mitchell in the action drama Top Gun (1986). One of the biggest movie stars in Hollywood, Cruise starred in several more successful films in the 1980s, including the dramas The Color of Money (1986), Cocktail (1988), Rain Man (1988), and Born on the Fourth of July (1989).

In the 1990s, he starred in a number of hit films, including the romance Far and Away (1992), the drama A Few Good Men (1992), the legal thriller The Firm (1993), the romantic horror film Interview with the Vampire: The Vampire Chronicles (1994), the romantic comedy-drama sports film Jerry Maguire (1996), the erotic thriller Eyes Wide Shut, and the drama Magnolia (both 1999). In 1996, Cruise was well known for his role as secret agent Ethan Hunt in the Mission: Impossible film series, whose most recent film, Mission: Impossible - Rogue Nation, was released in 2015.

1. What is the real name of Tom Cruise?

.....
 2. What was his first film as an actor?

.....
 3. What part did he play in Top Gun?

.....
 4. What is the type of Interview with the Vampire?

.....
 5. What is the latest film of Tom Cruise mentioned above?

end	only	silent	famous
world	like	century	number

PART 4: WRITING

1. Rearrange the words in the correct order to describe the films.

1. *The Island of Dr. Moreau*

place/ to/ a/ wants/ go/ where/ It's/ no one.

.....
 2. *Atlantis: The Lost Empire*

Named Milo Thatch/ of Atlantis/ A team/ find/ a scientist/ of people/ the lost empire/ help.

.....
 3. *Hurry Potter and the Order of the Phoenix*

a/ It's/ do/ boy/ about/ can/ magic/ who

.....
 4. *Alien*

a/ on/ about/ a/ lives/ monster/ spaceship/ It's/ which

.....
 5. *The Incredibles*

are/ are/ who/ They/ all/ family/ superheroes/ a.

.....
 6. *Spider-Man 2*

a/ set/ USA/ science/ in/ fiction/ the/ It's/ film.

.....

2. Read the information in the table about two actors from the UK, then write a short paragraph for each of them.

Name	Brad Pitt	Angelina Jolie
Date and place of birth	1963, Oklahoma	1975, California
Title of film	Legends of the Fall	Mr. & Mrs. Smith
Year(s)	1994	2005
Other actors	Anthony Hopkins, Aidan Quinn, Julia Ormond and	Brad Pitt

Brad Pitt was born _____

Angelina Jolie was born _____

2. Find one odd word A, B, C or D.

- | | | | |
|-------------------|-------------|-----------------|------------------|
| 1. A. Tet holiday | B. Easter | C. Thanksgiving | D. Monday |
| 2. A. tired | B. joyful | C. delightful | D. happy |
| 3. A. sausage | B. turkey | C. beef steak | D. Birthday cake |
| 4. A. candle | B. lighting | C. lantern | D. moon |
| 5. A. sibling | B. cousin | C. friend | D. relative |

3. Make questions for the underlined parts in the following sentences, using the question words in the brackets.

A. Lunar New Year

1. New Year's Day is celebrated on the first day of the new year. (When)

2. In New Year's Eve, there are often fireworks at midnight. (What)

3. People celebrate New Year's Eve with fireworks at the stroke of midnight as the New Year starts. (How)

4. People often spend New Year with their family and relatives to remember and honor their ancestors. (Who)

5. Every family thoroughly deans the house to sweep away any ill-fortune and make way for good incoming luck. (Why)

B. Eid al-Adha (Festival of Sacrifice)

1. The festivities last for three days or more depending on (How long)



the country.

2. The sacrificed animals must be at least a year old. (How old)

3. Eid al-Adha is celebrated by Muslims worldwide. (Who)

4. In the Islamic lunar calendar, Eid al-Adha falls on the 10th day of Dhu al-Hijjah and lasts for four days. (When and How long)

5. The Festival originated in the valley of Mecca (in present-day Saudi Arabia). (Where)

question has a sentence with an underlined phrase. Identify what TYPE of adverb phrase this is, using definitions in the box.

Manner	time	purpose	frequency	place
--------	------	---------	-----------	-------

1. Joe buys flowers for his wife every week.
2. Elephants are found in Africa and India.
3. I'll meet you on Friday.
4. We hardly ever use the microwave.
5. I bought the glue to fix my broken lamp.
6. The woman stared at me with an angry expression.
7. Surfing is a popular sport in the summer.
8. Janice placed the chair next to the window.

PART 3: READING

1. Fill in the blank with a word/ phrase in the box.

to worship the Moon Genie	from a Chinese story
In the middle	through years gradually



Mid-Autumn (Trung Thu) is the day when the moon is at its brightest in a year. In that spirit (1)___, people in Vietnam as well as many Asian countries celebrate the Mid-Autumn's Festival. According to legends, this holiday is originated (2)_____ in which an Emperor of Duong (Tang) Dynasty, Duong Minh Hoang, was taken to the moon by a wizard named La Cong Vien. (3)_____ of his trip to the moon, the Emperor caught a glimpse of fairies in heaven celebrating the full moon. When Duong Minh Hoang was back to earth, he taught his citizens about the celebration and it became a custom lasting (4)_____ . Through times and times, Mid-Autumn's Festival (5)_____ becomes an event providing children with a rich diversity of delightful traditional games and entertaining activities, offering great helps in promoting education as well as culture.

2. Read the passage and answer the questions.

Together with Bai Dinh and Yen Tu Pagoda Festival, Huong Pagoda Festival is among the greatest Buddhist festival in northern part of Vietnam. Huong Pagoda is located in My Duc

District, 70 kilometers away from Hanoi to the south. This festival lasts for three months from the first to the third month in Lunar Calendar. In fact, the official opening day for the festival is on the 6th day of the first Lunar month. As other festivals in Vietnam, Huong Pagoda Festival is also divided into two parts: The ceremonies and the entertaining activities. Ceremonial rituals consist of incense offering procession and Zen ceremony in which Monks and Buddhists offer incense, flowers, candles and fruits. During the ceremony, there are two monks performing beautiful and flexible dances. On the other hand, entertaining activities include enjoying boat cruise along Yen Stream for watching picturesque scenery, climbing mountain and exploring holy caves. It is believed that climbing up the top of Huong Tich Mountain will bring you fulfillment and great success in life.

1. Where do people celebrate Huong Pagoda Festival?

.....

2. How long does the festival last?

.....

3. Which part of the festival do people climb the mountain?

.....

4. Why do people climb up the top of Huong Tich Mountain?

.....

PART 4: WRITING

1. Arrange following phrases into a complete sentence.

1. Giong festival / different occasions / destinations / takes place in / depending on

.....

.....

2. Giong Festival / as an / of mankind / have been / intangible cultural heritage / recognized by UNESCO

.....

.....

3. Hung King / of the third Lunar month / is celebrated / Temple Festival / on the tenth day

.....

.....

4. Phu Tho / centuries ago / Province / where / the country / is a sacred land / Hung Kings established

.....
.....
5. Temple Festival / so on / in Hung King / traditional songs, chess playing, and / are/
Entertaining activities

.....
.....
6. Hung Kings - the country's founders / is to / worship / The purpose/ of this Festival

.....
.....

UNIT 10: SOURCES OF ENERGY

A. GRAMMAR - NGỮ PHÁP

I. THE FUTURE CONTINUOUS: Thì tương lai tiếp diễn

1. Cấu trúc

(+) Subject + will be / 'll be + V-ing

(Chủ ngữ + will be/'ll be + Động từ đuôi -ing)

Ví dụ:

In ten months' time I will be walking in Paris. (Vào thời gian này 10 tháng nữa, tôi sẽ đang đi dạo trên đường phố Paris)

(-) Subject + will not be / won't be + V-ing

(Chủ ngữ + will not be / won't be + Động từ đuôi -ing)

Ví dụ:

I won't be going for a walk this time tomorrow. (Tôi sẽ không đi dạo bộ vào thời gian này ngày mai.)

(?) Will + Subject + be + V-ing?

(Will + chủ ngữ + be + Động từ đuôi -ing)

Ví dụ:

Will you be using your bicycle this evening? (Tối nay bạn có định dùng xe đạp không?) **2.**

Cách dùng

✓ Diễn tả hành động sẽ đang diễn ra tại một thời trong tương lai

Ví dụ:

At this time next week, I will be staying at my house.

✓ Diễn tả một hành động đang diễn ra khi một hành động khác xen vào ở tương lai

Ví dụ:

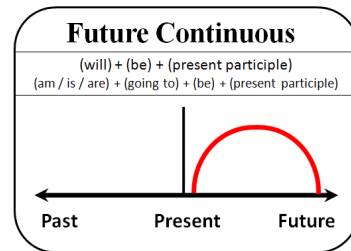
Will she be cleaning the kitchen when I come home?

✓ Diễn tả một dự định đã được sắp đặt trong tương lai

Ví dụ:

My parents will be helping us to hold the wedding party.

✓ Diễn tả một hành động không dự định trước nhưng sẽ xảy ra như một thông lệ



điểm xác định

brother's

Ví dụ:

I will be seeing him tomorrow at school.

✓ Diễn tả một hành động sẽ xảy ra và kéo dài trong một khoảng thời gian nào đó ở tương lai

Ví dụ:

We will be riding our bicycle around Hoan Kiem Lake from 6a.m to 8a.m tomorrow.

3. Dấu hiệu nhận biết

✓ Trong câu thường xuất hiện các cụm từ sau:

- at this time + thời gian trong tương lai: at midnight tonight...
- at + giờ + danh từ chỉ thời gian trong tương lai: at 5 p.m tomorrow...
- In ten years' time...

✓ Các trạng từ như: always, only, never, ever, still, just, v.v đặt trong thì tương lai.

Ví dụ:

Will you *still* be waiting for her when her plane arrives?

I will *always* be missing you though we are for apart.

4. Một số lưu ý

✓ Phân biệt thì tương lai đơn (future present) và tương lai tiếp diễn (future continuous)

Future Present	Future Continuous
Tại thời điểm được nói đến, hành động bắt đầu hay kết thúc	Tại thời điểm được nói đến hành động vẫn đang diễn ra.
Ví dụ: Tonight at 6 pm, I will go home. (Vào lúc 6h tối nay tôi sẽ bắt đầu về nhà)	Ví dụ: Tonight at 6 pm, I will be going home. (Ở thời điểm 6h tối nay tôi đang trên đường về nhà ⇒ tôi phải bắt đầu về nhà trước 6h tối.)

✓ Cách dùng thay thế

(+) **Subject + am/is/are going to be + Ving**

(Chủ ngữ + am/is/are going to + Động từ đuôi -ing)

(-) **Subject + am/is/are not going to be + Ving**

(Chủ ngữ + am/is/are not going to + Động từ đuôi -ing)

(?) **Am/Is/Are + Subject + going to be + Ving?**

(Am/Is/Are + chủ ngữ + going to be + Động từ đuôi -ing)

Cách dùng này có thể dùng thay thế cho cách dùng truyền thống trong hầu hết mọi hoàn cảnh.

Ví dụ:

In ten months' time I am going to be walking in Paris.

I am not going to walk this time tomorrow.

Are you going to be using your bicycle this evening?

II. THE FUTURE SIMPLE PASSIVE - Câu bị động ở thì tương lai đơn

1. Cấu trúc

(+) Subject + will be + past participle (+ by + Object)

Chủ ngữ + will be + động từ dạng quá khứ phân từ 2 (+ by + Tân ngữ)

Ví dụ:

The birds will eat those cookies.

⇒ Those cookies will be eaten by the birds. (*Chỗ bánh này sẽ bị lũ chim ăn hết*)

(-) Subject + will not be + past participle (+ by + Object)

Chủ ngữ + will not be + động từ dạng quá khứ phân từ 2 (+ by + Tân ngữ)

Ví dụ:

They won't kick me out of my own house.

⇒ I won't be kicked out of my own house. (*Tôi sẽ không bị đá ra khỏi ngôi nhà của chính mình*)

(?) Will + Subject + be + past participle (+ by + Object)?

Will + Chủ ngữ + be + động từ dạng quá khứ phân từ 2 (+ by + Tân ngữ)?

Ví dụ:

Will the manager sign the contract tomorrow?

⇒ Will the contract be signed by the manager tomorrow? (*Quản lý sẽ ký hợp đồng vào ngày mai chứ?*)

2. Cách dùng chính

✓ Câu bị động được sử dụng khi bản thân chủ thể không tự thực hiện được hành động.

Trong ngôn ngữ nói, người ta thường sử dụng bị động trong các trường hợp sau:

✓ *Khi không biết chủ thể gây ra hành động là ai, hoặc chủ thể quá hiển nhiên.*

Ví dụ:

The cave paintings of Lascaux were made in the Upper Old Stone Age. (Ta không biết ai là người tạo ra các bức vẽ này, chỉ biết được thời gian tạo ra chúng)

Up to 90% of the energy in light bulbs will be wasted in the form of heat by 2020. (Chủ thể của hành động này hiển nhiên là con người nên không cần nhắc đến)

✓ Khi chủ thể trong câu không quan trọng và ta muốn tập trung nhắc đến hành động.

Ví dụ:

A solar power plant will be built in the Australia desert. (Ta không quan tâm người xây dựng kế hoạch là ai.)

✓ Khi nói về một quy luật chung.

Ví dụ:

Rules are made to be broken. (Bất cứ khi nào, bởi bất cứ ai.)

✓ Nếu chủ thể của hành động vẫn quan trọng mà vẫn muốn dùng câu bị động, ta thêm "by + chủ thể" vào sau động từ để nhắc đến chủ thể đó.

Ví dụ:

The plants are well taken care of by my mother every day. (Muốn nhắc tới việc mẹ là người chăm sóc cây cối mỗi ngày)



✓ Điều kiện để chuyển được câu chủ động sang câu bị động

- Động từ trong câu chủ động phải là Transitive Verb (Ngoại động từ)
- Tân ngữ trong câu chủ động phải được nêu rõ ràng để có thể chuyển thành Chủ ngữ trong câu bị động.

✓ Khi muốn dùng câu bị động để nói tới hành động xảy ra tại một thời điểm xác định trong tương lai, ta dùng câu bị động ở thì tương lai đơn.

B. VOCABULARY - TỪ VỰNG

Từ mới	Phiên âm	Nghĩa
acid rain (n)	/'æsið reɪn/	mưa a xít
agriculture (n)	/'ægrɪkʌltʃə(r)/	nông nghiệp
alternative (adj)	/ɔ:l'tɜ:nətv/	thay thế
biodiesel (n)	/'baɪəʊdi:zl/	nhiên liệu điêzen sinh học
biodiversity (n)	/,baɪəʊdaɪ'vɜ:səti/	sự đa dạng sinh học
CFC's		Chlorinated Fluorocarbons - hợp chất hóa học gây thủng tầng ozone
climate change (n)	/'klaɪmət tʃeɪndʒ/	sự thay đổi khí hậu
deforestation (n)	/,di:foʊrɪ'steɪʃn/	sự phá rừng
ecological (adj)	/,i:kə'lɒdʒɪkl/	(thuộc) sinh thái học
ecology (n)	/i'kɒlədʒi/	sinh thái
Geothermal energy (n)	/,dʒi:əʊ'θɜ:ml 'enədʒi/	năng lượng địa nhiệt
nuclear power (n)	/'nju:kliə(r) 'paʊə(r)/	năng lượng hạt nhân
organic (adj)	/ɔ:'gæɪnɪk/	(thuộc) hữu cơ
ozone layer (n)	/'əʊzəʊn 'leɪə(r)/	tầng ozone
regenerate (v)	/rɪ'dʒenəreɪt/	tái sản sinh
renewable (adj)	/rɪ'nju:əbl/	có thể hồi phục lại, có thể làm mới
solar energy (n)	/'səʊlə(r) 'enədʒi/	năng lượng mặt trời

ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG	TÍNH TỪ SỞ HỮU	ĐẠI TỪ SỞ HỮU
I	MY	MINE
HE	HIS	HIS
SHE	HER	HERS
IT	ITS	ITS
YOU	YOUR	YOURS
WE	OUR	OURS
THEY	THEIR	THEIRS

2. Cách dùng chính

✓ Nếu như Tính từ sở hữu (possessive adjectives) phải dùng với một danh từ, thì Đại từ sở (possessive pronouns) có thể dùng một mình.

EXAMPLES



adjectives)
hữu
mình.

Ví dụ:

This is my house.

→ This house is mine.

✓ Đại từ sở hữu được dùng trong các trường hợp sau:

➤ Dùng thay cho một Tính từ sở hữu (possessive adjectives) và một danh từ đã nói phía trước.

Ví dụ:

Her shirt is white, and mine is blue. (Áo cô ta màu trắng còn của tôi màu xanh.)

➤ Dùng trong dạng câu sở hữu kép (double possessive).

Ví dụ:

He is a friend of mine. (Anh ta là một người bạn của tôi.)

➤ Dùng ở cuối các lá thư như một qui ước. Trường hợp này người ta chỉ dùng ngôi thứ hai.

Ví dụ:

Yours sincerely.

Yours faithfully.

B. VOCABULARY - TỪ VỰNG

I. NEW WORDS

Từ mới	Phiên âm	Nghĩa
air balloon (n)	/eə(r) bə'lu:n /	khinh khí cầu
aircraft (n)	/'eəkrɑ:ft/	máy bay, tàu bay
aviation (n)	/,eivɪ'eɪʃ(ə)n/	hàng không
bullet train (n)	/'bʊlɪt/	tàu cao tốc
cable (n)	/'keɪbl/	cáp treo
compass (n)	/'kʌmpəs/	la bàn
concept (n)	/'kɒnsept/	khái niệm
driveway (n)	/'draɪvweɪ/	đường lái xe về nhà
eco-friendly (adj)	/,i:kəʊ 'frendli/	thân thiện với môi trường
envision (v)	/ɪn'veɪʒn/	mường tượng, hình dung
evolution (n)	/,i:və'lʊ:ʃn/	sự tiến hóa
fantasize (v)	/'fæntəsaɪz/	mơ mộng viễn vông
fantastic (adj)	/'fæn'tæstɪk/	tuyệt vời, không tưởng
highway (n)	/'haɪweɪ/	đường cao tốc
limousine (n)	/'lɪməzi:n/	xe limo
passageways (n)	/'pæsɪdʒweɪ/	hành lang; đường phố nhỏ, ngõ
passenger (n)	/'pæsɪndʒə(r)/	hành khách (đi tàu xe...)
revolution (n)	/,revə'lʊ:ʃn/	cuộc cách mạng
runway (n)	/'rʌnweɪ/	đường băng
submarine (n)	/,sʌbmə'ri:n/	tàu ngầm
superbus (n)	/'sjʊpəbʌs /	xe buýt loại lớn
teleport (n)	/'telɪpɔ:rt/	dịch chuyển tức thời
tram (n)	/træm/	tàu điện
underground (adv)	/'ʌndə'graʊnd/	ngầm dưới lòng đất



II. HOW DO YOU GET THERE?

By air: airplane, helicopter, air balloon, etc.	At the airport On the runway In the air On the helipad
By road: car, motorbike, taxi, bus, bicycle, van, etc.	On the motorway On the road In the garage At the taxi rank At the bus stop
By sea: ship, boat, yacht, etc.	On the water In the harbor In the port Under the sea
By rail: train, tram, bullet train, tube train, etc.	At the platform

3. Choose A, B, C or D to complete the following sentences.

- Last summer we went to Russia _____ the ferry. It was wonderful.
A. at B. on C. in D. by
- I saw your parents _____ a car yesterday evening.
A. at B. on C. in D. by
- Susan and Mike came to work _____ bus yesterday.
A. at B. on C. in D. by
- They came to their office _____ a bus.
A. at B. on C. in D. by
- Tom has to go to the bus stop if he wants to go _____ bus.
A. at B. on C. in D. by
- My sister always comes to work _____ her bike.
A. at B. on C. in D. by
- My parents met each other _____ a plane during their flight to England.
A. at B. on C. in D. by
- I won't go there by car. I'll go _____ foot. It's better for my health.
A. at B. on C. in D. by
- Yesterday I sat _____ the last carriage of the Warsaw train.
A. at B. on C. in D. by
- He gets _____ the car and drive too fast.

A. at B. on C. in D. by

- more time than you. (Anh ấy có nhiều thời gian hơn cậu.)
- This house has **slightly** more trees than another one in this city. (Căn nhà này có nhiều

Từ mới	Phiên âm	Nghĩa
affect	/ə'fekt/	tác động, ảnh hưởng
block	/blɒk/	gây ùn tắc

cheat	/tʃi:t/	lừa đảo
crime	/kraɪm/	tội phạm
criminal	/'krɪmɪnl/	kẻ tội phạm
density	/'densəti/	mật độ dân số
diverse	/daɪ'vɜ:rs/	đa dạng
effect	/'i:fekt/	kết quả
explosion	/ɪk'spləʊʒn/	bùng nổ
flea market	/fli: 'mɑ:kɪt /	chợ trời
hunger	/'hʌŋgə(r)/	sự đói khát
major	/'meɪdʒə(r)/	chính, chủ yếu, lớn
malnutrition	/,mælnju:'trɪʃn/	bệnh suy dinh dưỡng
megacity	/'megəsɪti/	thành phố lớn
overcrowded	/,əʊvə'kraʊdɪd/	quá đông đúc
poverty	/'pɔ:vərti/	sự nghèo đói
slum	/slʌm/	khu ổ chuột
slumdog	/slʌmdɒg/	kẻ sống ở khu ổ chuột
space	/speɪs/	không gian
spacious	/'speɪʃəs/	rộng rãi

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.TDM
TRƯỜNG THCS PHÚ MỸ

Phú mỹ, ngày 16 tháng 2 năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LÝ
TỪ 3/2/2020 ĐẾN NGÀY 29/2/2020**

PHẦN 1: LÝ THUYẾT

Câu 1. Hiện tượng nhiễm điện:

- Nhiều vật sau khi bị cọ xát có khả năng hút các vật khác và làm sáng bóng đèn bút thử điện.

Câu 2: Điện tích:

- Có hai loại điện tích là điện tích dương và điện tích âm. Các vật mang điện tích cùng loại thì đẩy nhau, mang điện tích khác loại thì hút nhau.

* **Quy ước:** Điện tích của thanh thủy tinh khi cọ xát vào lụa là điện tích dương. Điện tích của thanh nhựa sẫm màu khi cọ xát vào vải khô là điện tích âm

*** Nhận xét về vật bị nhiễm điện:**

- Vật nhiễm điện dương khi vật mất bớt (e)

- Vật nhiễm điện âm khi vật nhận thêm (e)

Câu 3: Sơ lược về cấu tạo của nguyên tử.

- Ở tâm mỗi nguyên tử có một hạt nhân mang điện tích dương.

- Xung quanh hạt nhân có các (e) mang điện tích âm chuyển động tạo thành lớp vỏ của nguyên tử.

- Bình thường nguyên tử trung hoà về điện.

- Êlectrôn có thể dịch chuyển từ nguyên tử này sang nguyên tử khác, từ vật này sang vật khác.

Câu 4: Dòng điện - Nguồn điện:

- Dòng điện là dòng các điện tích dịch chuyển có hướng.

- Nguồn điện có tác dụng cung cấp dòng điện để các dụng cụ điện hoạt động.
- Mỗi nguồn điện có 2 cực: cực dương và cực âm.
- Dòng điện chạy trong mạch điện kín bao gồm các thiết bị điện được nối liền với hai cực của nguồn điện bằng dây dẫn.

PHẦN II: BÀI TẬP

A . HS làm các BT trong SBT Vật Lý 7 từ bài 17 đến bài 19 (GV đã dặn trước đó)

B . HS có thể vận dụng kiến thức đã học làm thêm các bài tập sau :

Dạng 1: Giải thích (GV đã trả lời HS học)

Câu 1: Khi thổi mặt bàn, bụi bay đi. Tại sao cánh quạt điện thổi gió mạnh, sau một thời gian lại có nhiều bụi bám vào cánh quạt, đặc biệt ở mép cánh quạt chém vào không khí ?

Trả lời : Cánh quạt khi quay ,cánh quạt **cọ xát** với không khí nên cánh quạt bị **nhiễm điện**, do đó nó có thể **hút** được các vật nhẹ như bụi trong không khí. Đặc biệt ở mép cánh quạt chém vào không khí và cọ xát với không khí.

Câu 2: Tại sao vào những ngày thời tiết khô ráo, lau chùi gương soi hay kính cửa sổ hay màn hình tivi bằng khăn bông khô thì vẫn thấy có bụi vải bám vào chúng?

Trả lời: Vào những ngày thời tiết khô ráo, lau chùi gương soi, kính cửa sổ hay màn hình tivi bằng khăn bông khô làm cho chúng nhiễm điện do cọ xát. Vì vậy chúng hút bụi vải bám vào chúng.

Câu 3: Tại sao trên các bồn chở xăng thường hay có sợi xích bằng sắt thả lỏng xuống đất ?

Trả lời : Vì khi xe chở bồn chở xăng chạy thì có sự **cọ xát** giữa thùng xăng với không khí làm cho bánh xe và thùng xăng **nhiễm điện** (xe chạy càng lâu và nhanh thì nhiễm điện càng nhiều) . Do đó, người ta gắn sợi dây xích bằng sắt thả lỏng xuống đất nhằm **dẫn điện** từ thùng xăng **xuống đất** và **không gây ra cháy nổ** khi vận chuyển (vì xăng dễ bốc cháy).

Dạng 2: Bài tập HS tự vận dụng kiến thức để trả lời

Câu 1: Có thể làm cho vật nhiễm điện bằng cách nào ? Nhiễm vật sau khi nhiễm điện có khả năng gì ?

Câu 2 : Hãy nêu tính chất vật nhiễm điện mà em biết?

Câu 3: Cho các vật sau : chiếc thìa kim loại, ống nhựa, đũa thủy tinh, ống giấy , thanh nhựa sẫm màu, mảnh ni lông, đinh sắt . Vật nào sau khi cọ xát có khả năng nhiễm điện ?

Câu 4: Trong các phân xưởng dệt, người ta thường treo những tấm kim loại đã nhiễm điện ở trên cao. Làm như vậy có tác dụng gì? Tại sao?

Câu 5: Tại sao ở trong những phân xưởng may người ta lại gắn một số quạt máy lớn?

Câu 6: Có mấy loại điện tích, chúng có tên gọi là gì ? Nêu đặc điểm về lực tương tác giữa hai vật nhiễm điện cùng loại và khác loại .

Câu 7: Nêu sơ lược về cấu tạo nguyên tử ?

Câu 8: Một vật không nhiễm điện , nếu nhận thêm electron sẽ nhiễm điện loại nào ? nếu mất bớt electron sẽ nhiễm điện loại nào ?

Câu 9: Thế nào là dòng điện? Thế nào là nguồn điện ? Hãy kể tên một số nguồn điện trong thực tế cuộc sống mà em biết ?

Câu 10: Thế nào là một mạch điện ?

Câu 11: Một HS lắp một mạch điện để làm sáng bóng đèn nhưng đèn lại không sáng . Theo em có những nguyên nhân nào khiến đèn không sáng ?

Câu 12 : Hạt nhân nguyên tử vàng có điện tích +79e. Hỏi:

- Trong nguyên tử vàng có bao nhiêu êlêctron chuyển động xung quanh hạt nhân? Vì sao?
- Nếu nguyên tử vàng nhận thêm 2 êlêctron nữa hoặc mất 2 êlêctron thì điện tích hạt nhân có thay đổi không? Tại sao?

Câu 13: Cọ xát thanh thủy tinh vào một tờ giấy khô : Hỏi

- a) Thanh thủy tinh và tờ giấy khô có nhiễm điện hay không? Nếu có thì thanh thủy tinh và tờ giấy khô nhiễm điện cùng loại hay khác loại .
- b) Khi đó electron dịch chuyển từ thanh thủy tinh sang tờ giấy hay từ tờ giấy sang thanh thủy tinh .

Câu 14: Làm thế nào để biết cái thước nhựa có bị nhiễm điện hay không và nhiễm điện dương hay âm?

Câu 15: Cho 3 vật A,B,C . Nếu A hút B , B đẩy C . Biết A mang điện tích dương . Hỏi B, C mang điện tích gì ?

Câu 16 : Cho 4 vật A,B,C, D . Nếu A hút B , B đẩy C , C hút D . Biết D mang điện tích âm. Hỏi A, B, C mang điện tích gì ?

Câu 17 : Cho 4 vật A,B,C, D. Nếu A đẩy B , B hút C , C đẩy D . Biết B mang điện tích dương . Hỏi A, C, D mang điện tích gì ?

Câu 18 : Cho 5 vật A,B,C,D,E . Nếu A hút B , B đẩy C , C hút D, D đẩy E . Biết E mang điện tích âm . Hỏi A,B, C,D mang điện tích gì ?

Câu 19 : Cho 5 vật A,B,C,D,E . Nếu A đẩy B , B hút C , C đẩy D, D hút E . Biết E mang điện tích dương . Hỏi A,B, C,D mang điện tích gì ?

Câu 20: Hãy quan sát các đồ dùng trong gia đình và những vật thường gặp trong thực tế cuộc sống và cho biết những đồ dùng (hay thiết bị) nào sử dụng nguồn điện là ắc quy? là pin?

Câu 21: Một học sinh nối hai cực của một cục pin với một bóng đèn nhỏ thấy đèn không sáng. Theo em những nguyên nhân nào có thể dẫn đến hiện tượng trên?

Câu 22 : Để thắp sáng một bóng đèn pin thì cần những đồ vật hay dụng cụ nào ? Phải làm gì với những đồ vật hay dụng cụ này thì bóng đèn pin mới sáng ?

--- HẾT ----

Lưu ý: Trong thời gian nghỉ dịch bệnh Cô mong các em sẽ thực hiện và làm các bài tập Cô giao (vì đây cũng là nội dung trong đề cương ôn tập chuẩn bị KIỂM TRA CHUNG MÔN LÝ HKII sau khi các em đi học trở lại). Làm xong các em có thể gửi qua mail của Cô tranthimauphummy@gmail.com . Cô sẽ sửa trên mail cho các em nhé.

CHÚC CÁC EM HOÀN THÀNH BÀI THẬT TỐ

GVBM : TRẦN THỊ MAU – SỐ ĐT: 0886409209

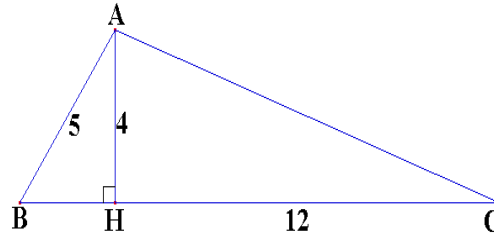
ÔN TẬP HÌNH HỌC 7 CHƯƠNG II

Bài 1: Cho hình vẽ bên:

a/ Tính BH.

b/ Tính AC.

c/ Tính chu vi tam giác ABC.



Bài 2: Cho tam giác nhọn ABC có AH vuông góc với BC. Biết AC = 15cm, AH = 9cm, BH = 5cm. Tính chu vi tam giác ABC

Bài 3: Tam giác ABC có phải là tam giác vuông hay không nếu các cạnh AB; AC; BC lần lượt là

a) 9cm; 12cm và 15cm

b) 7cm; 9cm và 12cm.

Bài 4: Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi M là trung điểm của BC, trên BM lấy điểm D, trên CM lấy điểm E sao cho BD = CE

a/ Chứng minh tam giác ADE là tam giác cân.

b/ Kẻ $DH \perp AB$, $EK \perp AC$. Chứng minh $DH = EK$.

c/ Chứng minh AM là tia phân giác của góc DAE

d/ Chứng minh $HK \parallel BC$

Bài 5: Tam giác PQR cân tại P, có PE vuông góc với QR (E thuộc QR).

a) Chứng minh $EQ = ER$

b) Tia đối của tia QR lấy điểm M, trên tia đối của tia RQ lấy điểm N sao cho $QM = RN$. Chứng minh tam giác PMN cân.

c) Kẻ QH vuông góc với PM (H thuộc PM), kẻ RK vuông góc với PN (K thuộc PN). Chứng minh $PH = RK$.

d) HQ cắt KR tại I, tam giác IQP là tam giác gì ?

Bài 6: Tam giác ABC cân tại A. Kẻ BD vuông góc với AC, kẻ CE vuông góc với AB.

- a) chứng minh : $\triangle ADB = \triangle AEC$.
- b) Gọi I là giao điểm của BD và CE. Chứng minh AI là tia phân giác của góc BAC.
- c) Chứng minh tam giác BKC cân.

Bài 7: tam giác ABC vuông tại A, có $\hat{B} = 30^\circ$ và $AB = 5\text{cm}$. Tia phân giác của góc B cắt AC tại D. Kẻ DE vuông góc với BC tại E.

- a) Chứng minh: $\triangle ABD = \triangle EBD$.
- b) Chứng minh: $\triangle ABE$ là tam giác đều.
- c) Chứng minh: $\triangle ACE$ là tam giác cân
- d) Tính độ dài cạnh BC, AC.

Bài 8: Tam giác ABC nhọn ($AB < AC$) có $\hat{A} = 60^\circ$. D là trung điểm cạnh AC. Trên tia AB lấy điểm E sao cho $AE = AD$. Chứng minh:

- a) Tam giác ADE đều
- b) Tam giác DEC cân
- c) CE vuông góc với AB.

Bài 9: Tam giác ABC có góc B tù. Kẻ AH, BK lần lượt vuông góc với BC và AC (H thuộc BC, K thuộc AC). Trên tia AH lấy điểm D sao cho $AD = BC$, trên tia đối của tia BK lấy điểm E sao cho $BE = AC$. Chứng minh:

- a) $\hat{HAC} = \hat{KBC}$
- b) $\triangle CBE = \triangle DAC$
- c) DC vuông góc với EC.

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 7

I.VĂN BẢN:

***BT1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn. Nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?

b. Tác giả là ai?

c. Nội dung chính của đoạn văn?

d. Viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về nội dung đoạn trích.

Là học sinh, em làm gì để rèn luyện và phát huy tinh thần đó?

Hướng dẫn

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.

b. Tác giả: Hồ Chí Minh.

c. Nội dung: Khẳng định dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

d.

- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta:

- + Tinh thần yêu nước qua các cuộc kháng chiến trong lịch sử (Dẫn chứng)
- + Tinh thần yêu nước thể hiện trong đời sống hiện tại (Dẫn chứng)
- Liên hệ nhiệm vụ, bổn phận của mỗi người thể hiện tinh thần yêu nước: học tập, phấn đấu trở thành công dân tốt, đóng góp xây dựng nước nhà...

***BT2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

- a. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?
- b. Tác giả là ai?
- c. Nội dung chính của đoạn văn?
- d. Tìm câu rút gọn trong đoạn văn trên và nêu tác dụng.

Hướng dẫn

- a. Đoạn văn trên trích từ văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.
- b. Tác giả: Hồ Chí Minh.
- c. Nội dung: Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta được phát huy mạnh mẽ trong mọi công việc kháng chiến.
- d. Câu rút gọn :

- Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy.

- Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.

- Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

=> Tác dụng: Làm cho câu gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước.

***BT3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang và thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

- Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?
- Tác giả là ai?
- Nêu nội dung chính của đoạn văn.
- Qua đoạn văn trên em rút ra bài học gì cho mình?

Hướng dẫn

- Đoạn văn trên trích từ văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.
- Tác giả: Hồ Chí Minh.
- Nội dung: Đoạn văn nêu lên tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ.
- Bài học:
+ Cảm thấy tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ.

+ Cố gắng phát huy tinh thần yêu nước ấy qua những việc làm cụ thể: chăm ngoan, học tốt; vâng lời thầy cô, cha mẹ;...

***BT4: Đọc những câu sau và trả lời câu hỏi:**

a. Thế nào là tục ngữ?

b. Đọc thuộc những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất đã được học.

b. Đọc thuộc những câu tục ngữ về con người và xã hội đã được học.

***BT5: Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị nghệ thuật, nội dung của câu tục ngữ “Thương người như thể thương thân”.**

Hướng dẫn

- Nghệ thuật: Kết cấu ngắn gọn, so sánh “thương người” – “thương thân”.

- Ý nghĩa:

+ “Thương người”: thương yêu, quan tâm, giúp đỡ người khác.

+ “Thương thân”: yêu thương, quý trọng chính bản thân mình.

→ Nhấn mạnh giá trị lòng nhân đạo, yêu thương người khác như yêu thương chính mình.

- Bài học của bản thân.

***BT6: Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật câu tục ngữ:**

“Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.

Hướng dẫn

- Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, hoán dụ.

- Ý nghĩa:

+ “Một cây”: số ít, sự đơn lẻ, khó tạo nên rừng cây.

+ “Ba cây”: số nhiều, có khả năng tạo nên rừng cây.

→ Bài học về tinh thần đoàn kết, đồng lòng, cùng giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt.

- Bài học của bản thân.

***BT7: Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật câu tục ngữ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.**

Hướng dẫn

- Nghệ thuật:

+ Kết cấu ngắn gọn.

+ Ấn dụ: “ăn quả” chỉ sự hưởng thụ thành quả về vật chất, tinh thần; “kẻ trồng cây” chỉ người tạo ra thành quả.

- Nội dung:

+ Khi ăn quả phải nhớ đến công vun trồng, chăm sóc của người trồng cây.

+ Khi hưởng thụ thành quả thì phải nhớ đến công người đã tạo ra thành quả đó.

→ Câu tục ngữ đề cao giá trị lòng biết ơn.

- Bài học của bản thân.

***BT8: Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật câu tục ngữ: “Đói cho sạch, rách cho thơm”.**

Hướng dẫn

- Nghệ thuật:

+ Kết cấu ngắn gọn.

+ Phép đối “đói cho sạch” – “rách cho thơm”.

+ Gieo vần lưng “sạch” – “rách”.

+ Ấn dụ: “đói – rách” chỉ sự nghèo khổ, khó khăn, thiếu thốn về vật chất; “sạch – thơm” chỉ nhân cách cao đẹp.

- Nội dung:

+ Dù rơi vào hoàn cảnh đói khát cũng phải ăn uống sạch sẽ.

+ Dù quần áo không lành lặn cũng phải giữ gìn, không để vấy bẩn.

→ Câu tục ngữ là lời khuyên phải giữ gìn nhân cách đạo đức trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

- Bài học của bản thân.

II. TIẾNG VIỆT:

Câu 1: Thế nào là rút gọn câu? Nêu tác dụng? Cho VD?

Gợi ý: Ghi nhớ SGK/15

Câu 2: Thế nào là câu đặc biệt? Nêu tác dụng? Cho VD?

Gợi ý: Ghi nhớ SGK/28,29

Câu 3: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 7-10 câu, tả cảnh quê hương em. Trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu rút gọn và 1 câu đặc biệt. Gạch chân và chú thích rõ.

Gợi ý:

- Quê em ở đâu?
- Có những địa danh nào nổi tiếng?
- Người dân ở đây sinh sống bằng nghề gì?
- Tình cảm của em đối với quê hương?

Câu 4: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 7-10 câu, tả cảnh mùa xuân trên quê hương em. Trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu rút gọn và 1 câu đặc biệt. Gạch chân và chú thích rõ.

Gợi ý:

- Quê hương em ở đâu?
- Cảnh vật đặc trưng của mùa xuân là gì?
- Không khí mùa xuân: người dân, cảnh sắc thiên nhiên, lễ hội,...
- Tình cảm của em đối với mùa xuân.

Câu 5: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 7-10 câu, tả cảnh sân trường em vào giờ ra chơi. Trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu rút gọn và 1 câu đặc biệt. Gạch chân và chú thích rõ.

Gợi ý:

- Quang cảnh sân trường trước giờ ra chơi...
- Sân trường vào giờ ra chơi: ồn ào, náo nhiệt, từng hoạt động diễn ra ...
- Em thường làm gì vào giờ ra chơi?
- Cảm xúc của em sau những giờ ra chơi?

III. TẬP LÀM VĂN:

Câu 1: Thế nào là văn nghị luận?

Gợi ý: ghi nhớ SGK/9

Câu 2: Văn nghị luận có những đặc điểm nào?

Gợi ý: ghi nhớ SGK/19

Câu 4: Bố cục bài văn nghị luận gồm mấy phần? nhiệm vụ của từng phần?

Gợi ý: ghi nhớ SGK/31

Câu 5: Lập dàn ý cho các đề văn sau:

Đề 1: Ít lâu nay, một số bạn trong lớp có phần lơ là học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được điều gì có ích!

Đề 2: Hãy chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.

Đề 3: Dân gian ta có câu tục ngữ: *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*. Nhưng có bạn lại bảo: Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng. Em hãy viết bài văn chứng minh thuyết phục bạn ấy theo ý kiến của em.

Đề 4: Hãy chứng minh rằng đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường xung quanh.

Gợi ý:

-Dựa vào sự hiểu biết của mình và kết hợp sự quan sát xung quanh em lập dàn ý theo bố cục 3 phần : MB, TB, KB.